TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 271/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 415/2024/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Trần Thị Kiều O, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Số 123 đường VC, thôn 02, xã TĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

2/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Số 123 đường VC, thôn 02, xã TĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 06 tháng 3 năm 2014.

Chị O và anh T đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Anh chị không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo đúng tình nghĩa vợ chồng nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2014 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Cháu Nguyễn Đình L có nguyện vọng chung sống với chị Trần Thị Kiều O.

Chị O và anh T thống nhất chị Trần Thị Kiều O là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Nguyễn Đình L và Nguyễn Đình S; anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi các con

chung là 8.000.000 đồng/tháng/02con.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 7 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn

Về con chung: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2014 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T thống nhất giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2014 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2018 cho chị Trần Thị Kiều O trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2014 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2018 với số tiền cấp dưỡng là 8.000.000 đồng/tháng/02 con, mỗi cháu là 4.000.000 đồng, cấp dưỡng vào ngày 28 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 28 tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

***Về tài sản chung và nghĩa vụ chung**:* Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình ***300.000 (ba trăm nghìn) đồng*** chị Trần Thị Kiều O tự nguyện chịu nộp 150.000đồng và tự nguyện chịu thay anh Nguyễn Văn T 150.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) tạm ứng lệ phí chị Oanh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001886 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Kiều O đã nộp đủ lệ phí

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự;; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 29 ngày 06/3/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy